**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa **KH Xã hội & Nhân văn**

Bộ môn: KH Xã hội & Nhân văn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần: **TÂM LÍ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

Tên tiếng Việt: **TÂM LÍ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

Tên tiếng Anh: **General Psychology**

Mã học phần: SSH316 Số tín chỉ: 02

Đào tạo trình độ: ĐH, CĐ

Học phần tiên quyết: Không

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: ThS. GV. Từ Thị Hường

ĐT: 01682810331 Email: tuhuongqb@gmail.com

Địa điểm, lịch tiếp SV: Tiết 5 thứ 4, tiết 8 thứ 6 hàng tuần tại phòng GV nhà G1

**3. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái quát khoa học về bản chất của các hiện tượng tâm lí người, sự hình thành phát triển tâm lí, ý thức, các quá trình nhận thức, trí nhớ, ngôn ngữ và nhận thức,các phẩm chất và thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách, các con đường hình thành và phát triển tâm lí, các yếu tố về lệch chuẩn.

**4. Mục tiêu:**

Học phần giúp sinh viên có nhận thức khoa học về các yếu tố tạo nên bản chất tâm lí người, các quá trình hình thành, phát triển mang tính quy luật của các hiện tượng tâm lí người, các phẩm chất và thuộc tính tâm lí nổi bật, các con đường hình thành và phát triển nhân cách và các yếu tố tác động đến quá trình lệch chuẩn ở mỗi người; hình thành cho sinh viên thái độ sống tích cực, chủ động, sáng tạo. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó sinh viên có năng lực làm chủ cảm xúc của bản thân, có năng lực phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lí người trong từng hoàn cảnh cụ thể.

**5. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

* Nhận thức
* Có nhận thức khoa học về các hiện tượng tâm lí người
* Nhận thức khoa học về sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức
* Nhận thức khoa học về các quá trình nhận thức
* Nhận thức khoa học về các phẩm chất và thuộc tính tâm lí

# Nhận thức khoa học về các con đường hình thành và phát triển tâm lí, cũng như các yếu tố tác động đến việc lệch chuẩn cá nhân.

* ***Thái độ***

- Có thái độ học tập tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức cho bản thân và nghề nghiệp tương lai.

- Có lối sống tích cực, lành mạnh.

- Có thái độ chân thành, hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ người khác.

* ***Kĩ năng***

- Có năng lực tìm kiếm và lựa chọn kiến thức đã học nhằm vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể trong đời sống tâm lí của con người.

- Thực hiện các quá trình quan sát, tư duy, tưởng tượng hiệu quả

- Phân tích được những biểu hiện của tâm lí con người và l‎í giải nó trong từng tình huống cụ thể.

- Có năng lực làm chủ, thích ứng và quản lí cảm xúc của bản thân để thực hiện tốt hoạt động học tập và nghề nghiệp.

**6. Kế hoạch dạy học:**

**6.1. Lý thuyết:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chương/Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* |
| *LT* |
| 1  1.1  1.2  1.3 | **Bản chất tâm lí người**  Khái niệm và phân loại  Các yếu tố tạo nên bản chất tâm lí người  Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lí người | -Phân biệt được tâm lí với các hoạt động sinh lí  -Nhận biết được vai trò của tâm lí đối với các hoạt động của con người  -Nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến não-thần kinh-tâm lí, vệ sinh tâm lí.  -Xác định được động cơ, mục đích cho từng hoạt động cụ thể. | 2 |
| 2  2.1  2.2  2.3 | **Sự hình thành, phát triển tâm lí, ý thức**  Sự hình thành, phát triển tâm lí  Sự hình thành, phát triển ý thức  Các cấp độ của ý thức | -Xác định được hoạt động chủ đạo, vai trò của nó đối với sự phát triển tâm lí cá nhân  -Phân biệt được đặc trưng tâm lí của từng lứa tuổi  -Phân biệt được ý thức với các hiện tượng tâm lí khác  -Phân biệt được ý thức ở các cấp độ khác nhau, có khả năng điều chỉnh tâm lí trong hoạt động học tập và nghề nghiệp | 3 |
| 3  3.1  3.2  3.3 | **Các quá trình nhận thức**  Cảm giác và các quy luật của cảm giác  Tri giác và các quy luật của tri giác  Tư duy và tưởng tượng | -Phân biệt được các quá trình nhận thức và vai trò của nó đối với hoạt động học tập và giao tiếp  -Thực hiện được quá trình  quan sát có mục đích, phát hiện được tính quy luật trong quá trình quan sát đó.  -Xác định được mục tiêu, lập kế hoạch học tập, phân tích, đánh giá để thực hiện có hiệu quả kế hoạch đó. | 3 |
| 4  4.1  4.2  4.3 | **Trí nhớ**  Khái niệm, phân loại và vai trò của trí nhớ  Các quá trình của trí nhớ  Các kiểu trí nhớ | -Phân biệt được các loại trí nhớ và xác định được vai trò của từng loại trí nhớ đối với hoạt động học tập và cuộc sống  -Thực hiện được các thao tác của từng quá trình trí nhớ  - Thực hiện vệ sinh,giữ gìn, củng cố trí nhớ để phục vụ cho học tập. | 1 |
| 5  5.1  5.2  5.3 | **Ngôn ngữ**  Khái niệm, chức năng, vai trò của ngôn ngữ  Các loại ngôn ngữ  Cơ chế sản sinh và tiếp nhận lời nói bên ngoài | -Nhận thức được chức năng, vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động sống của cá nhân  -Phát hiện được ưu điểm, hạn chế và tìm ra biện pháp khắc phục cho các loại lời nói bên ngoài.  -Sử dụng có hiệu quả các lời nói phù hợp với mục đích và hoàn cảnh giao tiếp cụ thể | 1 |
| 6  6.1  6.2  6.3 | **Các phẩm chất và thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách**  Tình cảm và các quy luật của tình cảm  Ý chí và hành động ý chí  Các thuộc tính tâm lí | -Nhận thức được vai trò của các phẩm chất và thuộc tính tâm lí đối với hoạt động sống của cá nhân  -Nhận thức được sự hình thành có tính quy luật của tình cảm để có nhận thức đúng đắn trong các mối quan hệ, giao tiếp, học tập và công việc.  -Sử dụng, nuôi dưỡng, phát triển tình cảm tích cực  -Rèn luyện ý chí cá nhân, biết làm chủ bản thân trước mọi hoàn cảnh sống  -Xác định được động cơ đúng phục vụ cho quá trình học tập  -Tự trau dồi để phát triển tốt năng lực chuyên môn | 3 |
| 7  7.1  7.2  7.3  7.4 | **Các con đường hình thành và phát triển nhân cách**  Giáo dục  Hoạt động  Giao tiếp  Môi trường | -Hiểu được vai trò của từng nhân tố đối với sự phát triển của bản thân  -Lựa chọn được công việc và môi trường phù hợp với năng lực của bản thân  -Tự ý thức rèn luyện để có năng lực giao tiếp tốt phục vụ cho học tập, công việc tương lai. | 1 |
| 8  8.1  8.2  8.3 | **Lệch chuẩn**  Khái niệm chuẩn mực và các loại chuẩn mực  Lệch chuẩn và các loại lệch chuẩn  Hậu quả của lệch chuẩn, GD sửa chữa các hành vi sai lệch | -Nhận thức được vai trò của các chuẩn mực đối với sự phát triển nhân cách ở mỗi cá nhân  -Nhận diện được các dấu hiệu vi phạm chuẩn mực để phòng tránh  -Có ý thức tự giáo dục bản thân. | 1 |
| Tổng số giờ lý thuyết | | | 15 |

**6.2. Thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chương/Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* |
| *Thực hành* |
| 1 | **Bản chất tâm lí người**  **Câu hỏi, bài tập tình huống** | -Phân biệt được tâm lí với các hoạt động sinh lí  -Nhận biết được vai trò của tâm lí đối với các hoạt động của con người  -Nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến não-thần kinh-tâm lí, vệ sinh tâm lí.  -Xác định được động cơ, mục đích cho từng hoạt động cụ thể. | 1 |
| 2 | **Sự hình thành, phát triển tâm lí, ý thức**  Câu hỏi, bài tập tình huống | -Xác định được hoạt động chủ đạo, vai trò của nó đối với sự phát triển tâm lí cá nhân  -Phân biệt được đặc trưng tâm lí của từng lứa tuổi  -Phân biệt được ý thức với các hiện tượng tâm lí khác  -Phân biệt được ý thức ở các cấp độ khác nhau, có khả năng điều chỉnh tâm lí trong hoạt động học tập và nghề nghiệp | 2 |
| 3 | **Các quá trình nhận thức**  Câu hỏi, bài tập tình huống | -Phân biệt được các quá trình nhận thức và vai trò của nó đối với hoạt động học tập và giao tiếp  -Thực hiện được quá trình  quan sát có mục đích, phát hiện được tính quy luật trong quá trình quan sát đó.  -Xác định được mục tiêu, lập kế hoạch học tập, phân tích, đánh giá để thực hiện có hiệu quả kế hoạch đó. | 3 |
| 4 | **Trí nhớ**  Hệ thống các câu hỏi, bài tập tình huống. | -Phân biệt được các loại trí nhớ và xác định được vai trò của từng loại trí nhớ đối với hoạt động học tập và cuộc sống  -Thực hiện được các thao tác của từng quá trình trí nhớ  - Thực hiện vệ sinh,giữ gìn, củng cố trí nhớ để phục vụ cho học tập. | 1 |
| 5 | **Ngôn ngữ**  Hệ thống các câu hỏi, bài tập tình huống | -Nhận thức được chức năng, vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động sống của cá nhân  -Phát hiện được ưu điểm, hạn chế và tìm ra biện pháp khắc phục cho các loại lời nói bên ngoài.  -Sử dụng có hiệu quả các lời nói phù hợp với mục đích và hoàn cảnh giao tiếp cụ thể | 2 |
| 6 | **Các phẩm chất và thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách**  Hệ thống các câu hỏi, bài tập tình huống, sân khấu hóa tình huống | -Nhận thức được vai trò của các phẩm chất và thuộc tính tâm lí đối với hoạt động sống của cá nhân  -Nhận thức được sự hình thành có tính quy luật của tình cảm để có nhận thức đúng đắn trong các mối quan hệ, giao tiếp, học tập và công việc.  -Sử dụng, nuôi dưỡng, phát triển tình cảm tích cực  -Rèn luyện ý chí cá nhân, biết làm chủ bản thân trước mọi hoàn cảnh sống  -Xác định được động cơ đúng phục vụ cho quá trình học tập  -Tự trau dồi để phát triển tốt năng lực chuyên môn | 3 |
| 7 | **Các con đường hình thành và phát triển nhân cách**  Hệ thống các câu hỏi, bài tập tình huống, sân khấu hóa tình huống | -Hiểu được vai trò của từng nhân tố đối với sự phát triển của bản thân  -Lựa chọn được công việc và môi trường phù hợp với năng lực của bản thân  -Tự ý thức rèn luyện để có năng lực giao tiếp tốt phục vụ cho học tập, công việc tương lai. | 1 |
| 8 | **Lệch chuẩn**  Hệ thống các câu hỏi, bài tập tình huống, sân khấu hóa tình huống | -Nhận thức được vai trò của các chuẩn mực đối với sự phát triển nhân cách ở mỗi cá nhân  -Nhận diện được các dấu hiệu vi phạm chuẩn mực để phòng tránh  -Có ý thức tự giáo dục bản thân. | 2 |
| Tổng | | | 15 |

**7. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích*  *sử dụng* | |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Nguyễn Quang Uẩn | Tâm lí học đại cương | 2001 | ĐHQG | Thư viện | × |  |
| 2 | Từ Thị Hường | Bài giảng Tâm lí học đại cương |  |  | Thư viện số ĐHNT | × |  |
| 3 | ThS.Lê Thị Hân, TS. Huỳnh Văn Sơn(Chủ biên),TS Trần Thị Thu Mai, ThS Nguyễn Thị Uyên Thi | Giáo trình Tâm lí học đại cương | 2012 | ĐHQG tp Hồ Chí Minh | Thư viện |  | × |
| 4 | TS. Thái Trí Dũng | Tâm lí học Quản trị Doanh nghiệp | 2004 | Thống kê | nt |  | × |
| 5 | Đào Thị Oanh | Tâm lí học lao động | 2003 | ĐHQG | nt |  | × |
| 6 | Dương Thị Diệu Hoa(Chủ biên) | Tâm lí học phát triển | 2011 | ĐHSP | GV |  | × |
| 7 | Trần Thị Minh Hằng | Giáo trình Tâm lí học quản lí | 2011 | GDVN | GV |  | × |
| 8 | Trần Quốc Thành-Nguyễn Đức Sơn | Tâm lí học xã hội | 2011 | ĐHSP | GV |  | × |
| 9 | Nguyễn Hữu Thụ | Tâm lí học quản trị kinh doanh | 2009 | ĐHQGHN | GV |  | × |
| 10 | Trần Trọng Thủy | Bài tập thực hành Tâm lí học | 2002 | ĐHQGHN | GV |  | × |
| 11 | Nguyễn Khắc Viện | Từ điển Tâm lí | 1995 | NXB TG | GV |  | × |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Dự lớp đủ tiết học, vắng quá 20% số tiết ( không có lí do) và 25% số tiết ( có lí do) thì không được dự thi kết thúc học phần.

- Thực hiện các hoạt động trước khi đến lớp: Nghiên cứu tài liệu tham khảo (tự nghiên cứu, nghiên cứu theo nhóm), thảo luận; giải quyết tình huống; thuyết trình- đánh giá bài thuyết trình của các nhóm khác.

- Trên lớp: Thái độ học tích cực, phát biểu ý kiến, tranh luận, đặt câu hỏi, nhận xét, phản biện

- Đánh giá mức độ trên lớp: Trả lời các câu hỏi, bài tập, tình huống... của GV và SV đúng, sáng tạo.

- Đối với câu hỏi, bài tập: chấm theo thang điểm 10

- Đối với thuyết trình nhóm: Đánh giá bài thuyết trình của nhóm với các tiêu chí về nội dung thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, sáng tạo.

- Làm đủ bài kiểm tra và bài thi kết thúc học phần

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức*  *kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 15 | Viết  (30 phút) | Chương 3: Các quá trình nhận thức | Vận dụng quá trình nhận thức vào học tập và cuộc sống. |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Điểm các lần kiểm tra/bài thu hoạch | Nắm được kiến thức, vận dụng được kiến thức để xử các tình huống tâm lí của cá nhân và người khác | 20 |
| 2 | Tích cực hoạt động học tập trên lớp ( phát biểu ý kiến, tranh luận,…) làm bài tập và chuẩn bị bài ở nhà. | Rèn luyện ý thức tự giác, tích cực, chủ động học tập của sv | 15 |
| 3 | Tích cực hoạt động nhóm | Rèn luyện khả năng hợp tác, chia sẻ và làm việc nhóm của sv | 15 |
| 4 | Thi kết thúc học phần  Hình thức thi: viết tự luận đề mở | Bộc lộ khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá vấn đề. | 50 |

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**Từ Thị Hường**

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG BỘ MÔN** *(Ký và ghi họ tên) (Ký và ghi họ tên)*